

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN ĐĂNG QUANG
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ
THUẬT & KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH
ĐĂNG QUANG TESTING

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

Số: 0104/26/CBTT-ĐQT

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2026

V/v công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động
thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

**CÔNG BỐ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Căn cứ nghị định số 62/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT & KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH ĐĂNG QUANG TESTING công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

1. Thông tin tổ chức hoạt động thí nghiệm

1.1. Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐĂNG QUANG

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107031787 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 10 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25 tháng 06 năm 2025 do Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội cấp
- Mã số thuế: 0107031787
- Địa chỉ trụ sở: Số nhà 68, Tổ 18, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Người đại diện: Phạm Đình Thắng Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 0963894186
- Website: <https://khoandiachatvn.com>
- Email: dangquangtesting@gmail.com

1.2. Tên phòng thí nghiệm: TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM ĐỊA KỸ THUẬT & KIỂM ĐỊNH CÔNG TRÌNH ĐĂNG QUANG TESTING LAS-XD HAN.018

- Địa chỉ phòng thí nghiệm: 235 Hoàng Công Chất, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Người quản lý trực tiếp hoạt động thí nghiệm: Đặng Ngân Sơn
- Điện thoại: 0927080777
- Email: dangquangtesting@gmail.com



2. Thông tin năng lực

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Thiết bị (**)	Thí nghiệm viên (**)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA			
1	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, máy lắc sàng	Đặng Ngân Sơn; Lê Thị Hương Giang; Trần Quốc Dũng; Bùi Thế Tài; Nguyễn Thị Vân
2	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-4:2006	Cân kỹ thuật, cân thủy tĩnh, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp, bình dung tích, côn thử độ sụt, phễu chứa	
3	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006	Cân kỹ thuật, cân thủy tĩnh, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp, bình dung tích, côn thử độ sụt, phễu chứa	
4	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, phễu chứa, tủ sấy, thanh gạt	
5	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy	
6	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, đồng hồ bấm giây	
7	Xác định lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	Cân kỹ thuật, bếp cách thủy, ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh, bộ sàng tiêu chuẩn	
8	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy nén thủy lực, máy khoan, máy cắt đá, thước kẹp	
9	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy nén thủy lực, xi lanh bằng thép, cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	
10	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	Cân kỹ thuật, thước kẹp, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy	
II	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG			
11	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143/C143M	Bộ côn thử độ sụt bê tông	Đặng Ngân Sơn; Lê Thị Hương Giang; Trần Quốc Dũng; Bùi Thế Tài
12	Xác định khối	TCVN 3108:1993	Thùng kim loại 5l, 15l, thiết bị	

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Thiết bị (**)	Thí nghiệm viên (**)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	lượng thể tích hỗn hợp bê tông		đầm, cân kỹ thuật, thước lá thép	Tài; Nguyễn Thị Vân
13	Phân tích thành phần	TCVN 3110:1993	Cân kỹ thuật, bộ sàng cát, tủ sấy, khay sấy, bay, xẻng	
14	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022	Bình tỷ trọng 100ml, cân kỹ thuật, tủ sấy, bếp cát, bình hút ẩm, sàng tiêu chuẩn	
15	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu, tủ sấy	
16	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022	Cân kỹ thuật, thước lá kim loại, tủ sấy	
17	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022	Máy nén, thước lá kim loại, đệm truyền tải	
18	Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	Máy kéo, thước lá kim loại, bộ gối uốn	
19	Xác định cường độ kéo khi bửa	TCVN 3120:2022	Máy nén, gối truyền tải, tấm đệm	
III	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG			
20	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012; ASTM D854; TB 10102:2023	Cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, cối chày sứ (đồng), bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, tỷ trọng kế, bếp cách cát	Hoàng Thị Thu Anh; Lê Thị Hương Giang; Trần Quốc Dũng; Bùi Thế Tài; Nguyễn Thị Vân
21	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216; TB 10102:2023	Cân kỹ thuật, bình hút ẩm, hộp ẩm, tủ sấy, cối chày sứ (đồng), bộ sàng tiêu chuẩn, hộp nhôm có nắp	
22	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; ASTM D4318; TB 10102:2023	Bộ dụng cụ thí nghiệm giới hạn dẻo đất, bộ thí nghiệm giới hạn chảy đất	
23	Xác định thành phần hạt	TCVN 4198:2014; ASTM C136; ASTM D1140; ASTM D422; TB10102:2023	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, cối và chày sứ, tủ sấy, bình hút ẩm, máy sàng lắc, cân phân tích, tỷ trọng kế, nhiệt kế	
24	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995; ASTM D3080; TB 10102:2023	Máy cắt một mặt phẳng, hộp cắt, dao vòng cắt, tấm nén truyền lực, máy nén, đồng hồ đo biến dạng, vòng đo lực ngang, quả cân	
25	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; D2435/D2435M; TB 10102:2023	Máy nén, tủ sấy, cân kỹ thuật, đồng hồ đo biến dạng	
26	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TB 10102:2023	Bộ cối chày đầm tiêu chuẩn và cải tiến, cân kỹ thuật, tủ sấy,	

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Thiết bị (**)	Thí nghiệm viên (**)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			bộ sàng tiêu chuẩn	
27	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012; ASTM D7263; ASTM D2937; TB 10102:2023	Cân thủy tĩnh hoặc cân kỹ thuật, cốc thủy tinh đựng nước có dung tích 500 cm ³ , dụng cụ xác định độ ẩm.	
28	Xác định các đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012; TB 10102:2023	Bình thủy tinh, cân kỹ thuật, dao vòng, bình giữ ẩm, phao nổi chuyên dụng, dao gạt đất	
29	Xác định các đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012; TB 10102:2023	Bộ thí nghiệm trương nở chuyên dụng, đồng hồ đo biến dạng, và các dụng cụ kèm theo	
30	Xác định các đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012; TB 10102:2023	Đĩa sứ, dao trộn, cân kỹ thuật, thước thẳng, cốc thủy tinh, bình thủy chia độ, tủ sấy	
31	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012; TB 10102:2023	Bộ cối đầm Protor, tủ sấy, các loại cân, khay, sàng	
32	Xác định các đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:2012; TB 10102:2023	Thiết bị thí nghiệm nén lún một chiều và các thiết bị, dụng cụ, thí nghiệm độ ẩm và khối lượng thể tích của đất	
33	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012; ASTM D2434; TB 10102:2023	Dao vòng, thiết bị thí nghiệm thấm đầu nước thay đổi, sàng, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây, cân kỹ thuật, thước cặp	
34	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012; TB 10102:2023	Bộ thí nghiệm đo góc nghỉ tự nhiên, sàng 2mm, 5mm, các khay đựng đất, thùng chứa nước	
35	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 8726:2012; ASTM D2974; TB 10102:2023	Tủ sấy, cân kỹ thuật, cân phân tích, cối chày sứ, sàng 2mm, 0.25mm, các ống đong thủy tinh, pipet, bếp đun	
36	Xác định sức kháng cắt (không cố kết - không thoát nước, cố kết - không thoát nước, cố kết - thoát nước) của đất dính trên thiết bị nén ba trục	TCVN 8868:2011; ASTM D2850; ASTM D4767; TB 10102:2023	Máy nén ba trục và các dụng cụ đi kèm	
37	Xác định độ bền nén một trục nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166; TB 10102:2023	Máy nén, tủ sấy, cân kỹ thuật, đồng hồ đo biến dạng	

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Thiết bị (**)	Thí nghiệm viên (**)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
38	Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020	Bộ cối chày đầm tiêu chuẩn và cải tiến, cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn	
39	Xác định tỷ số CBR	TCVN 12792:2020; ASTM D1883; TB 10102:2023	Bộ cối chày đầm tiêu chuẩn và cải tiến, bộ cối CBR, cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, máy nén CBR, thùng ngâm mẫu, đồng hồ đo biến dạng	
IV	THỬ NGHIỆM NƯỚC CHO XÂY DỰNG			
40	Xác định lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 4506:2012; TCVN 6186:1996	Ống nghiệm, buret, bình đong, pipet	Hoàng Thị Thu Anh; Lê Thị Hương Giang
41	Xác định lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988	Tủ sấy, bình hút ẩm, bát sứ, chén sứ, cân phân tích	
42	Xác định chỉ số Pemanganat	TCVN 6186:1996	Ống nghiệm, buret, bình đong, pipet	
43	Xác định hàm lượng Clorua -	TCVN 6194:1996	Tủ sấy, pipet, buret	
44	Xác định hàm lượng Natri và Kali	TCVN 6196-3:2000	Dụng cụ thủy tinh và polyetylen	
45	Xác định hàm lượng Canxi	TCVN 6198:1996	Buret, dụng cụ thủy tinh	
46	Xác định hàm lượng Sunfat	TCVN 6200:1996	Phễu lọc, bình thủy tinh, cân phân tích	
47	Xác định hàm lượng tổng Canxi và Magiê	TCVN 6224:1996	Pipet, buret	
48	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011	Bình mẫu, thiết bị đo nhiệt độ, máy đo pH	
49	Xác định độ kiềm tổng số và độ kiềm Composite	TCVN 6636-1:2000	Bình chuẩn độ, máy đo pH, pipet	
50	Xác định độ kiềm cacbonat	TCVN 6636-2:2000	Bình chuẩn độ, máy đo pH, pipet	
51	Xác định Cabonic (CO ₂) tự do và ăn mòn, độ cacbonat, độ cứng toàn phần, độ cứng không cacbonat	TCXD 81:1981	Máy đo pH, ống nghiệm, bình chuẩn độ, bình nón	
V	THỬ NGHIỆM KIM LOẠI – LIÊN KẾT HÀN			
52	Vật liệu kim loại - Thử kéo	TCVN 197-1:2014	Máy kéo nén, bộ gá kéo, thước đo	Đặng Ngân Sơn; Trần

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Thiết bị (**)	Thí nghiệm viên (**)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
53	Vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 198:2008	Máy kéo nén, bộ gá uốn, bộ gối đỡ, thước đo	Quốc Dũng; Bùi Thế Tài
54	Xác định độ dày, kích thước hình học của thép cốt bê tông	TCVN 1651-1,2:2018; ASTM A500	Thước panme, thước cặp, thước lá kim loại	
55	Bu lông - Thử kéo	TCVN 1916:1995; EN ISO 898-1	Máy thử kéo, bộ gá kéo bulong	
56	Mạ kim loại - Kiểm tra chiều dày lớp mạ	TCVN 4392:1986; ASTM E376	Thiết bị đo chiều dày lớp phủ	
57	Lớp phủ kẽm nhúng nóng trên bề mặt sản phẩm gang và thép - Xác định chiều dày lớp phủ	TCVN 5408:2007; ASTM E376	Thiết bị đo chiều dày lớp phủ	
58	Thép thanh cốt bê tông - Thử uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 6287:1997	Máy kéo nén, bộ gá uốn, bộ gối đỡ, thước đo	
59	Cáp thép thông dụng - Phương pháp xác định tải trọng phá hỏng thực tế	TCVN 6368:1998	Máy kéo nén, bộ gá kéo, thước đo	
60	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:2010	Máy kéo nén, bộ gối đỡ	
61	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010	Máy kéo nén, bộ gá kéo	
62	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại - Thử kéo dọc kim loại mối hàn trên mối hàn nóng chảy	TCVN 8311:2010	Máy kéo nén, bộ gá kéo	
63	Xác định độ dày, kích thước hình học của ống thép không gỉ	TCVN 9833:2013	Thước panme, thước cặp, thước lá kim loại	
VI	THỬ NGHIỆM ĐÁ XÂY DỰNG TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM			
64	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 10321:2014; TB 10115:2023	Cân kỹ thuật, tủ sấy	Hoàng Thị Thu Anh; Lê Thị Hương Giang; Trần
65	Xác định khối	TCVN	Cân kỹ thuật, thước kẹp, tủ	

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Thiết bị (**)	Thí nghiệm viên (**)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	lượng thể tích	10322:2014; TB 10115:2023	sấy	Quốc Dũng; Bùi Thế Tài; Nguyễn Thị Vân
66	Độ bền nén một trục	TCVN 10324:14; TB 10115:2023	Máy nén thủy lực, máy khoan, máy cưa đá, thước kẹp, cân kỹ thuật	
VII	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG			
67	Phương pháp xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 8728:2012	Cân kỹ thuật, các hộp nhôm có nắp đậy kín, bình hút ẩm, pipet, dụng cụ đào đất, khay đựng đất, dao cắt đất, thìa xúc, kim bằng thép có đường kính khoảng 2 mm dài khoảng 100 mm	Đặng Ngân Sơn; Bùi Thế Tài
68	Phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCVN 8729:2012	Bộ dao vòng, cân kỹ thuật, thước kẹp, thiết bị, dụng cụ để xác định độ ẩm của đất tại hiện trường: như nêu trong TCVN 8728:2012, bộ sáng tiêu chuẩn, dụng cụ đào đất	
69	Phương pháp xác định độ chặt của đất sau đầm nén tại hiện trường	TCVN 8730:2012	Thiết bị, dụng cụ như nêu trong TCVN 8728:2012 và TCVN 8729:2012	
70	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời	TCVN 8821:2011; ASTM D4429	Bộ thiết bị đo CBR hiện trường	
71	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Kích thủy lực, tấm ép cứng, đồng hồ đo biến dạng, thước ni vô	
72	Áo đường mềm - Xác định độ võng đàn hồi bằng phương pháp cần Benkelman	TCVN 8867:2025	Cần đo võng Benkelman, xe đo võng	
73	Đất xây dựng - Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012; ASTM D1586	Bộ thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn	
74	Đất xây dựng - Phương pháp xác định mô đun biến dạng tại hiện trường	TCVN 9354:2012	Hệ thống dàn thép và đối trọng, kích thủy lực, hệ thống dầm chuẩn, tấm nén, đồng hồ đo lực, đồng hồ đo chuyển vị	

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Thiết bị (**)	Thí nghiệm viên (**)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	bảng tấm nén phẳng			
75	Cọc - Phương pháp thử nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM D1143; ASTM D8169/D8169M	Kích thủy lực, bơm thủy lực, đòì trọng, đồng hồ đo biến dạng, đồng hồ bấm giây	
76	Cọc khoan nhồi - Xác định tính đồng nhất của bê tông - Phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396:2012	Bộ thí nghiệm siêu âm cọc khoan nhồi	
77	Bê tông - Xác định cường độ kéo nhỏ	TCVN 9490:2012; BS 8539:2021	Kích nhỏ neo 30T, bộ gá nhỏ bulong hiện trường	
78	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường cho đất dính	TCVN 10184:2021; ASTM D2573	Bộ thiết bị cắt cánh hiện trường	
79	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020	Máy khoan, máy cắt, cân, thước, máy nén	
80	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao ãi	TCVN 12791:2020	Dao ãi, ãi dao, thanh gạt, cân kỹ thuật, tủ sấy	
81	Thí nghiệm nhỏ cọc	ASTM D3689	Kích thủy lực, bơm thủy lực, đòì trọng, đồng hồ đo biến dạng, đồng hồ bấm giây	
82	Thí nghiệm cọc dưới tác dụng của lực ãy ngang	ASTM D3966	Kích thủy lực, bơm thủy lực, đòì trọng, đồng hồ đo biến dạng, đồng hồ bấm giây	
VIII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG			
83	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016	Thước lá thép, thước kẹp	Đặng Ngân Sơn; Trần Quốc Dũng; Bùi Thế Tài;
84	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6477:2016	Máy nén, thước lá thép	
85	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016	Cân kỹ thuật, thước đo chia vạch 1mm	
86	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu	
IX	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TỰ CHÈN			
87	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999	Thước lá, thước kẹp	Đặng Ngân Sơn; Trần Quốc Dũng; Bùi Thế Tài
88	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999	Máy nén, thước lá thép	

TT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng (*)	Thiết bị (**)	Thí nghiệm viên (**)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
89	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu	
X	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐÁT SÉT NUNG			
90	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Thước lá, thước kẹp	Đặng Ngân Sơn; Trần Quốc Dũng; Bùi Thế Tài
91	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009	Máy nén, máy cắt, thước đo chia vạch 1mm	
92	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu	
93	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước đo chia vạch 1mm	
94	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Cân kỹ thuật, thùng chứa	

Ghi chú:

(*): Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn áp dụng thay thế tiêu chuẩn áp dụng cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn áp dụng mới tương ứng.

(**): Danh mục thiết bị thí nghiệm chính và thí nghiệm viên được trình bày tại Phụ Lục I kèm theo văn bản này.

3. Cam kết

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đăng Quang – Trung tâm Thí nghiệm Địa kỹ thuật & Kiểm định công trình Đăng Quang Testing cam kết:

- Thông tin cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố;
- Cập nhật khi có thay đổi theo quy định.

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**



Phạm Đình Thắng

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CHÍNH VÀ THÍ NGHIỆM VIÊN

1. Danh mục thiết bị thí nghiệm chính

STT	Tên thiết bị	Hãng/ Nước sản xuất	Năm sản xuất	Model/ Số seri	Số lượng	Tình trạng hiệu chuẩn	Ghi chú
1	Máy lọc sàng D300	Trung Quốc	2025	8411/ 257300	01	Còn hiệu chuẩn	
2	Tủ sấy 300°C	HTKYYQ/ Trung Quốc	2025	101-2B/ V-Z- HT- 000042404016	01	Còn hiệu chuẩn	
3	Máy nén đất tam liên	Better United/ Trung Quốc	2025	WG-1C/ V-Z- HD- 000872409009	01	Còn hiệu chuẩn	
4	Máy nén đất tam liên	Better United/ Trung Quốc	2025	WG-1B/ V-Z- HD- (00883509; 00883503; 00883505; 00883504; 00883510; 25272010; 00883501; 25272009; 25272012; 25272013; 25272008; 00882302; 25272011; 00882301)	14	Còn hiệu chuẩn	
5	Cân điện tử 620g	OHAUS/ Mỹ	2025	SPX622/ C447111395	01	Còn hiệu chuẩn	
6	Nhiệt kế điện tử (-50°C - 300°C)	Trung Quốc	2025	WT-1	01	Còn hiệu chuẩn	
7	Bộ thí nghiệm giới hạn chảy của đất Casagrande	Việt Nam	2025	TA-44	01	Còn hiệu chuẩn	
8	Máy kiểm tra độ chống cắt của đất	Trung Quốc	2025	ZJ-1B/ V-Z- HD- 001622403033	01	Còn hiệu chuẩn	
9	Thước cặp điện tử 200mm	Insize/ Trung Quốc	2025	CD-20AX/ 0905244366	01	Còn hiệu chuẩn	
10	Máy kiểm tra kéo, nén đa năng 1000 kN	Better United/ Trung Quốc	2025	WA-1000B/ 2509599	01	Còn hiệu chuẩn	
11	Máy nén bê tông 2000 kN	Better United/ Trung Quốc	2025	TYA-2000/ 2508788	01	Còn hiệu chuẩn	

STT	Tên thiết bị	Hãng/ Nước sản xuất	Năm sản xuất	Model/ Số seri	Số lượng	Tình trạng hiệu chuẩn	Ghi chú
12	Máy nén 3 trục	Better United/ Trung Quốc	2025	TSZ-3A/ V-Z- HD- 001622403046	01	Còn hiệu chuẩn	
13	Máy kiểm tra độ chịu nén của đất + Bộ chuyển đổi máy nén CBR trọn bộ điện tử (Bộ loadcell 5T + đầu hiện điện tử)	Better United/ Trung Quốc	2025	CBR-II/ 2508012+ 25030105AE	01	Còn hiệu chuẩn	
14	Máy đầm Proctor tự động	Trung Quốc	2025	JZ-2D/ G25H0357	01	Còn hiệu chuẩn	
15	Bộ đo E bằng tấm ép cứng	Việt Nam	2025	24036059728	01	Còn hiệu chuẩn	
16	Cân Benkelman	Việt Nam	2025	TA-22/ 23054	01	Còn hiệu chuẩn	
17	Máy đo PH	HANNA/ Romania	2025	HI98107/ HA08221353	01	Còn hiệu chuẩn	
18	Cân điện tử 3200g	SHINKO/ Nhật Bản	2025	GS-3202N/ 5882412179	01	Còn hiệu chuẩn	
19	Thuốc Panme điện tử 25mm	Insize/ Trung Quốc	2025	3109-25A/ 022536850	01	Còn hiệu chuẩn	
20	Máy đo độ dày lớp phủ bề mặt vật liệu	YOWEXA/ Trung Quốc	2025	EC-555S/ 220429ECB 0003144	01	Còn hiệu chuẩn	
21	Bộ thí nghiệm CBR hiện trường	Trung Quốc	2025	Cơ/ 224	01	Còn hiệu chuẩn	
22	Kích thủy lực 30T	Better United/ Trung Quốc	2025	HHYG-300A/ S250635	01	Còn hiệu chuẩn	
23	Lò nung 1200°C	KEWEI/ Trung Quốc	2025	SX2-5-12/ 34416	01	Còn hiệu chuẩn	
24	Cân phân tích 220g	OHAUS/ Mỹ	2025	PR224/E/ C448149404	01	Còn hiệu chuẩn	
25	Thiết bị đo trương nở đất	Trung Quốc	2025	WZ-II/ 20250528	01	Còn hiệu chuẩn	
26	Bộ thiết bị cắt cánh hiện trường	GEDORE/ Đức	2025	BDS 80E/ OEW000135	01	Còn hiệu chuẩn	
27	Máy định vị vệ tinh Apeks	APEKS/ Trung Quốc	2025	APEKS AP30 LASER/ T41R571 16414768	01	Còn hiệu chuẩn	
28	Kích nén tĩnh 200T	Việt Nam	2025	KN200-150/ 281025	01	Còn hiệu chuẩn	
29	Máy siêu âm cọc khoan nhồi	Sinorock/ Trung Quốc	2026	RSM-SY6(C) MMB10010033	01	Còn hiệu chuẩn	

2. Danh sách thí nghiệm viên

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ/ Văn bằng, chứng chỉ	Vị trí/ Chức vụ	Hợp đồng lao động	Ghi chú
1	Hoàng Thị Thu Ánh	24/11/1976	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng đại học: Kỹ sư Địa chất công trình - Quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Giấy chứng nhận về nhận thức chung quản lý phòng thí nghiệm và tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 :2017 - Chứng chỉ thí nghiệm đất đá xây dựng - Phương pháp xác định các yêu cầu kỹ thuật đối với nước cho bê tông và vữa 	Trưởng phòng	001/25/HĐLĐ-ĐQ, ngày 01/06/2025	
2	Đặng Ngân Sơn	07/07/1993	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng đại học: Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng (chuyên ngành Vật liệu và Công nghệ Xây dựng) - Quản lý phòng thí nghiệm về xây dựng - Chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm đáp ứng theo yêu cầu tiêu chuẩn ISO/IEC 17065 :2012 - Thử nghiệm tính chất cơ lý của Thép xây dựng - Thử nghiệm các tính chất cơ lý của Vật liệu xây dựng - Phương pháp xác định tính chất cơ lý của sản phẩm gốm sứ thủy tinh trong xây dựng 	Phó phòng	003/25/HĐLĐ-ĐQ, ngày 01/08/2025	
3	Lê Thị Hương Giang	22/04/1995	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng THPT - Phương pháp xác định các yêu cầu kỹ thuật đối với nước cho bê tông và vữa - Chứng chỉ Thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình 	Thí nghiệm viên	002/25/HĐLĐ-ĐQ, ngày 01/06/2025	
4	Trần Quốc Dũng	23/10/1992	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng đại học: Kỹ sư Kỹ thuật địa chất - Chứng chỉ Thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình 	Thí nghiệm viên	005/25/HĐLĐ-ĐQ, ngày 01/09/2025	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ/ Văn bằng, chứng chỉ	Vị trí/ Chức vụ	Hợp đồng lao động	Ghi chú
5	Bùi Thế Tài	01/08/2001	- Bằng đại học: Kỹ sư Kỹ thuật Dầu khí - Chứng chỉ Thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình - Chứng chỉ Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn của cọc	Thí nghiệm viên	004/25/HĐLĐ-ĐQ, ngày 01/08/2025	
6	Nguyễn Thị Vân	12/02/1999	- Bằng đại học: Cử nhân kế toán - Chứng chỉ Thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình	Thí nghiệm viên	006/26/HĐLĐ-ĐQ, ngày 01/03/2026	

3. Tổ chức cam kết:

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đăng Quang – Trung tâm Thí nghiệm Địa kỹ thuật & Kiểm định công trình Đăng Quang Testing cam kết:

- Thiết bị thí nghiệm đáp ứng yêu cầu để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố;
- Thiết bị được kiểm định/ hiệu chuẩn theo quy định (nếu thuộc đối tượng phải hiệu chuẩn);
- Thí nghiệm viên có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực thí nghiệm;
- Thí nghiệm viên được bố trí thực hiện đúng các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính phù hợp của thiết bị và năng lực của thí nghiệm viên tham gia hoạt động thí nghiệm.

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

